HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____
LOI#: _____
I-171#: Y N
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH (Last) VĂN (Middle) LÀNH (First)

Current Address: 18C/1 Lê Duẩn, Đà Nẵng

Date of Birth: December 12, 1943 Place of Birth: Mỹ Lại, Huế, Bình Trị Thiên

Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position) Security Officer - Captain - 1st Recruiting Center KBC 4126

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From April 1st 1975 To June 12, 1984

Years: 09 Months: 02 Days: 11

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

_____
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationshi

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: January 9, 1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUỲNH VĂN LÀNH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ LAN	September 15, 1946	WIFE
HUỲNH ANH DŨNG	February 17, 1971	SON
HUỲNH ANH TUẤN	March 25, 1972	SON
HUỲNH ANH VINH	November 15, 1973	SON
HUỲNH ANH DUY	February 17, 1975	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

_____

_____

I. ADDITIONAL INFORMATION :

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____
LOI#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH (Last) VAN (Middle) LANH (First)

Current Address: _____

Date of Birth: December 12, 1943 Place of Birth: Mỹ Lai, Huế, Bình Trị Thiên

Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position) Security Officer - Captain - 1st Recruiting Center KBC 4126

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From April 1st, 1975 To June 12, 1984
Years: 09 Months: 02 Days: 11

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

_____
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: Jan 9, 1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUỲNH VĂN LÀNH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ LAN	Sept. 15, 1946	WIFE
HUỲNH ANH DŨNG	Feb. 17, 1971	SON
HUỲNH ÁNH TUẤN	March 25, 1972	SON
HUỲNH ANH VINH	November 15, 1973	SON
HUỲNH ANH DUY	February 17, 1975	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

_____

_____

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- QUESTIONNAIRE FOR EX POLITICAL PRISONER

I. Basic information on applicant in Việt Nam :

1. Full name of ex politial prisoner :
HUỲNH VĂN LÀNH
2. Date and place of birth : Dec 12 - 1943 (12-12-1943)
Mỹ Lợi , Hương Sơ , Thành Phố Huế , Bình Trị Thiên
3. Position : Security officer . Unit : 1 st Recruiting center Đà Nẵng
Apo : 4126 (Sĩ quan An ninh tại trung tâm 1 tuyển mộ nhập ngũ Đà Nẵng)
MSC : 4126
4. Rank : Captain (đại úy)
5. Military serial number : 63A/101.956
6. Month, date, year arrested : 1-4-1975
7. Month , date, year out of camp : 12-6-1984
8. Date and release certificate number : 107/GRT ngày 12-6-1984 của trại cải tạo An Điềm , Quảng Nam Đà Nẵng .
9. Present mailing address of ex political prisoner : Mỹ Lợi, Hương Sơ, Thành phố Huế , Bình Trị Thiên .
10. Current adress : 166/1 Lê Duẩn , Đà Nẵng
11. List of full name, date and place of birth of ex political prisoner immediate family and father, mother .

A. Relative to accompany with ex political prisoner to be consisted for US country :

Name	date of birth	place of birth	sex	relation ship
NGUYỄN THỊ LAN	15- 9-1946	Điện Bàn QNDN S. Việt Nam	Feminine	wife
HUỲNH ANH DŨNG	17-02-1971	Đà Nẵng	Male	son
HUỲNH ANH TUẤN	25-03-1972	Đà Nẵng	Male	son
HUỲNH ANH VINH	15-11-1973	Đà Nẵng	Male	son
HUỲNH ANH DUY	17-2-1975	Đà Nẵng	Male	son

B. Complete family listing (living, death) of political prisoner :

Name		Address
Father	Huỳnh Duật	(death)
Mother	Lê Thị Thèo	Mỹ Lợi, Hương Sơ, TP Huế , Bình Trị Thiên (living)
Young Brother	Huỳnh Ba	(death)
	Huỳnh Thị Luyến	Mỹ Lợi, Hương Sơ, Huế , Bình Trị Thiên (living)
	Huỳnh Thị Quyến	La Khê, Hương Vinh, Huế, Bình Trị Thiên (living)
	Huỳnh Thị Thuần	Mỹ Lợi, Hương Sơ, Huế, Bình Trị Thiên (living)

III. Relative outside of Việt Nam

Name	Relationship	Adress
Elder NGUYỄN QUANG PHONG	wife 's brother	M6M 3L6 CANADA

IV. Have you submitted the application for family reunification until to now .the application .

-None -

V. COMMENT REMARKS :

It is respectfull requested that a completed ODP forms be submitted later to the US Delegation Board in Việt Nam .

Original release certificate submitted to local communist official in Mỹ Lại, Hương Sơ, Huế, Bình Trị Thiên .

All the informations on this questionaires is true and understand understand any false staements could provent , me from going to the United states .

VI. Please listing here all decurment attached to the questionaire :

- Giấy ra trại số 107/GRT ngày 12-6-1984 của trại cải tạo An Điềm , Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng .
- Quyết định phóng thích số : 881/QĐ/TT ngày 20-4-1984 của Uỷ Ban Nhân Dân Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng .
- 1 giấy khai sinh của vợ
- 4 giấy khai sinh của các con
- 1 chứng chỉ sống chung .

15 - May - 1989

Signature of applicant

HUỲNH VĂN LÀNH

BỘ NỘI VỤ
Cải tạo m Điền
Số 107/TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 12 năm 1972

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội Vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 881 ngày 20 tháng 04 năm 1984

của UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh HUỲNH VĂN LÀNH

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 12 tháng 12 năm 1943

Nơi sinh Hương Trà - Bình Trị Thiên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 20 lý tự Trọng - Đà Nẵng.

Can tội Đại lý sĩ quan m ninh trung tâm Tuyển mộ nhập ngũ

Bị bắt ngày 01 - 04 - 1975 Án phạt Tập trung cải tạo

Theo quyết định, án văn số 1260 ngày 15 tháng 09 năm 1978 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ.

Đã bị tăng án ..... lần, cộng thành ..... năm

Đã được giảm án ..... lần, cộng thành ..... tháng

Nay về cư trú tại Hương Sơ - Hương Trà - Bình Trị - Thiên

Nhận xét quá trình cải tạo

Qua học tập cải tạo ở trại chúng tôi xét thấy tư tưởng có yên tâm cải tạo, lao động có đạt năng suất học tập tiếp thu tốt phê 8 tơ phê thẳng thắng. Nội quy chưa sai phạm gì lớn.

Nay được cấp trên khoan hồng trại chúng tôi cấp giấy ra trại cho anh về sinh hộp cùng gia đình.

Vậy đề nghị các cấp chính quyền tiếp tục quản lý & giúp đỡ.

Ngày 12 tháng 06 năm 1984

GIÁM THỊ

[signature]

Ngón trỏ phải

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

[signature]

Huỳnh văn Lành

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG

Số: 881 QĐ/TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 4 năm 1984

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM – ĐÀ NẴNG

– Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-8-1977, Thông tư số 220/TTg ngày 14-4-1978 và Thông tư số 240/TTg ngày 9-8-1980 của Thủ tướng Chính phủ về việc xét tha và giảm hạn TTGDCT đối với những binh lính, sĩ quan ngụy quân, nhân viên ngụy quyền và các tổ chức chính trị đảng phái phản động của chế độ cũ.

– Căn cứ Thông tư Liên bộ Quốc phòng – Nội vụ số 07/TT/LB ngày 02-11-1977, hướng dẫn thi hành chính sách đối với sĩ quan ngụy quân, ngụy quyền và đảng phái phản động hiện đang học tập cải tạo.

Theo đề nghị của Ông Giám đốc Công an Quảng Nam – Đà Nẵng và sau khi được Ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU I : Ra lệnh phóng thích

– Họ và tên: Huỳnh Văn Lành

– Ngày, tháng, năm sinh: 1943

– Sinh quán: Hương Trà – Bình Trị Thiên

– Trú quán: Đảo lộ 2B trong Đ. Nguyễn

– Can tội: Đại úy tiểu đoàn trưởng

– Bị bắt ngày: 1.4.75

ĐIỀU II : Đương sự được tha về: Hương Trà – Bình Trị Thiên

và phải chịu quản chế trong thời gian 12 tháng. Sau thời gian quản chế đương sự sẽ được nhân dân và chính quyền địa phương xét trả quyền công dân, nếu đã thực sự tiếp thu cải tạo tốt.

ĐIỀU III : Ông Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng, Ông Giám đốc Công an Quảng Nam – Đà Nẵng và đương sự có tên nói trên chiếu theo trách nhiệm của mình thi hành Quyết định này.

KT. CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
Tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng
PHÓ CHỦ TỊCH

TRẦN ĐÌNH ĐẠM

NƠI NHẬN:
- Ty Công an QN – ĐN
- Trại cải tạo
- Đương sự để thi hành
- Đương sự đề trình với U.B.N.D và C.A. Xã, Phường nơi cư trú biết
- Lưu Văn phòng UBND Tỉnh

Fr. PHONG QUANG NGUYEN

ONTARIO M6M 3L6 - CANADA

JAN 16 1990

To FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA 22205-0635

U.S.A.

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____
LOI#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUỲNH (Last) VĂN (Middle) LÀNH (First)

Current Address: 18C/1 Lê Duẩn ~~Đà Nẵng~~

Date of Birth: 12/12/1943 Place of Birth: Bình Trị Thiên

Previous Occupation (before 1975) Cap. Tàu
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 4/1/75 To 8/12/84

Years: 9 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

_____
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH VAN LANH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyen thi Lan	9/15/1946	wife
Huynh anh Dung	2/17/1971	Son
Huynh anh Thai	3/25/1972	Son
Huynh anh Vinh	11/15/1973	Son
Huynh anh Duy	2/17/1975	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

_____

_____

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Bộ Nội Vụ
Trại cải tạo Âm Điền
Số : 107/GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

G I Ấ Y - R A - T R Ạ I

Theo thông tư số 966 BCA / TT ngày 31 tháng 3 năm 1960 của Bộ Nội vụ .

Thi hành án văn quyết định tha số 681 ngày 20 tháng 4 năm 1964 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng .

Nay cấp giấy tha cho anh chị có tên sau đây :

Họ và tên khai sinh : HUỲNH VĂN LÀNH

Sinh năm 1943 . Các tên gọi khác : không có

Nơi sinh : Hương Trà, Bình Trị Thiên .

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt :20 Lý Tự Trọng Đà Nẵng .

Can tội : Đại Úy Sĩ quan an ninh Trung tâm tuyển mộ nhập ngũ .

Bị bắt ngày: 01 tháng 4 năm 1975 - Án phạt : tập trung cải tạo . Theo Theo quyết định án văn số 1260 ngày 15 tháng 9 năm 1978 của Bộ Trưởng Trưởng Nội Vụ .

Nay về cư trú tại : Hương Sơ, Hương Trà, Bình Trị Thiên .

Nhận xét quá trình cải tạo :

Qua học tập cải tạo ở trại chuẩn tôi xét thấy tư tưởng có yên tâm cải tạo, lao động đạt năng suất ,học tập có tiến bộ tốt, phê và tự phê thường xuyên .

Nay cấp giấy trên phòng thiên về sống cùng gia đình làm ăn . Vậy đề nghị cấp địa phương tiếp tục quản lý và giúp đỡ .

Đương sự phải trình diện tại UBND phường xã Hương Sơ, Hương Trà , Bình Trị Thiên trước ngày 19 tháng 6 năm 1984.

Ngày 12 tháng 6 năm 1984
Phó giám thị
(ký tên và dấu)

NGUYỄN NGỌC ẤNH

Lăn tay ngón trỏ phải

Họ tên chữ ký người được cấp giấy ký tên
HUỲNH VĂN LÀNH

QUESTIONNAIRE FOR EX POLITICAL PRISONER

I. Basicinformation on applicant in Viet Nam :

1- Full name of ex political prisoner : HUỲNH VĂN LÃNH

2. Date and place of birth : 12 - 12 - 1943 Mỹ Lại Hương Sở B T Thiên

3. Position : Security Officer Unit : 1st Recruiting center Đà Nẵng

Apo : 4126 (Sĩ quan An ninh, Trung tâm I tuyển mộ nhập ngũ Đà N

KBC : 4126

4. Rank: Captain (Đại uý)

5. Military serial number : 63A/101.056

6. Month, date, year arrested : 1 - 4 - 1975

7. Month ,date, year out of camp : 12 - 6 - 1984

8. Date and release certificate number : 107/GRT ngày 12-6-1984
của trại cải tạo An Điềm, Đại Lộc Quảng Nam Đà Nẵng

9. Present mailing address of ex political prisoner : Mỹ Lại,
Hương Sở, Thành phố Huế, Bình Trị Thiên.

10. Current adress : 18C/1 Lê Duẩn Đà Nẵng

11. List of full name, date and place of birth of ex political prisoner immediate family and father, mother .

A. - Relative to accompany with ex political prisoner to be consisted for US country :

NAME	Date of birth	Place of birth	Sex	Relation Ship
Nguyễn Thị Lan	15-9-1946	Điện Bàn Q NĐN	Feminine	Wife
Huỳnh Anh Dũng	17-03-1971	Đà Nẵng	Male	Son
Huỳnh Anh Tuấn	25-03-1972	Đà Nẵng	Male	Son
Huỳnh Anh Vinh	15-11-1973	Đà Nẵng	Male	Son
Huỳnh Anh Duy	17-03-1975	Đà Nẵng	Male	Son

B. Complete family listing (living, death) of political prisoner :

NAME		Adresse
Father	Huỳnh Duẩn (death)	
Mother	Lê Thị Thèn (living)	Mỹ Lại, Hương Sở, TP Huế, Bình Trị Thiên
Young Brother	Huỳnh Ba	(death)
	Huỳnh Thị Luyến	Mỹ Lại, Hương Sở, TP Huế (living)
	Huỳnh Thị Duyên	Mỹ Lại (Bộ) Hương Vinh TP Huế (living)
	Huỳnh Thị Thuần	Mỹ Lại, Hương Sở TP Huế (living)

III. Relative outside of Viet Nam :

NAME	Relationship	Adress
Elder Nguyễn Quang Phong	Wife's brother	Toronto Ontario M6H 3S8 CANADA
		ONTARIO M6M 3L6 CANADA

IV. Have you submitted the application for family reunification until to now the application . - None -

V. Comment Remarks :

VI. Please listing here all document to the questionnaire :

1/ ~~1 giấy ra tại~~
2/ ~~1 quyết định phong thích~~

15 May 1988

Lanh

Signature of applicant

Huỳnh Văn Lãnh

Toronto, November 20, 1989

Kính thưa Bà Giám đốc Hội Gia đình
Tù nhân Chính trị Việt nam.

Kính thưa Bà,

Chúng tôi tuy ở ngoài nước Mỹ nhưng vẫn biết được các hoạt động nhân đạo của Hội qua các văn bản tích cực của Bà Giám-Đốc, nhân danh và được phần nào những khó khăn của các gia đình tù nhân chính trị ở Việt nam.

Chúng tôi có thân nhân tên Huỳnh văn Lành (em rể) của Đại úy Ban 2 (an ninh), đã bị học tập cải tạo hơn 09 năm. Thân nhân chúng tôi đã làm hồ sơ gởi đến Tòa Đại sứ Mỹ tại Thái Lan để xin cứu xét cho nhập cảnh Mỹ theo diện ODP

Chúng tôi xin gửi kèm theo đây bản sao giấy ra hạn và bộ "Questionnaire" đến Quí Hội, mong rằng quí Hội có điều kiện theo dõi và thông báo giùm chúng tôi nếu được Tòa Đại sứ Mỹ chấp thuận xét cấp giấy "Letter Of Introduction" mà bao nhiêu sĩ quan cải hàng không đủ.

Chúng tôi xin Chân thành cảm ơn và kính chúc quí Hội mạnh tiến trong các hoạt động nhân đạo sâu rộng giúp các gia đình có thân nhân đã và đang là tù nhân chính trị tại Việt nam.

Trân trọng kính chào Bà Giám đốc

Nguyen

Địa chỉ liên lạc:
PHONG Q. NGUYEN
[redacted]
ONTARIO M6M 3L6 CANADA

PAR AVION

AIR MAIL

PHONG QUANG NGUYEN

[redacted]

ONTARIO M6M 3L6 CANADA

To FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC.

P.O. BOX 5435

ARLINGTON VA 22205 – 0435

DEC 0 1 1989

DEC 0 . 1989

USA

AIR MAIL

VIA AEREA

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM
Đà Nẵng
Số : 881/QĐ/TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

Đà Nẵng , Ngày 20 tháng 4 năm 1984

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG

Căn cứ chỉ thị số 316/TTG ngày 22 tháng 6 năm 1977
Thông tư số 220/TTg ngày 14 tháng 4 năm 1978 và thông tư số 240/TTg ngày 9 tháng 8 năm 1980 của Thủ tướng chính phủ về việc xét tha và giảm hạn . TTGĐCT đối với những binh lính, sĩ quan ngụy quân, nhân viên ngụy quyền và các tổ chức chính trị đảng phái phản động của chế độ cũ .

Căn cứ thông tư liên bộ Quốc phòng Nội Vụ số 07/TT/LB ngày 2-11-1977 hướng dẫn thi hành chính sách đối với sĩ quan ngụy quân, ngụy quyền và đảng phái phản động hiện đang học tập cải tạo .

Theo đề nghị của ông giám đốc Công An Quảng Nam Đà Nẵng và sau khi được ông Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ phê duyệt .

Q U Y Ế T - Đ Ị N H

Điều 1: Ra lệnh phóng thích
Họ và tên : HUỲNH VĂN LÀNH
Ngày tháng năm sinh : 1943
Sinh quán : Hương Sơ, Hương Trà, Bình Trị Thiên
Trú quán : 20 Lý Tự Trọng Đà Nẵng
Can tội : Đại Úy trường chi tuyển mộ nhập ngũ
Bị bắt ngày : 01 tháng 4 năm 1975
Điều 2 : đương sự được tha về
Hương Trà, Bình Trị Thiên và phải chịu quản chế trong thời gian 12 tháng . Sau thời gian quản chế đương sự sẽ được nhân dân và chính quyền địa phương xét trả quyền công dân, nếu đã thực sự tiếp thu cải tạo tốt .
Điều 3: Ông chánh văn phòng Ủy Ban nhân Dân Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng. Ông giám đốc Công An Quảng Nam Đà Nẵng và đương sự có tên nói trên chiếu theo trách nhiệm của mình thi hành quyết định này .

KT. CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng
Phó Chủ Tịch
(ký tên và dấu)
TRẦN ĐÌNH ĐẠM

Bộ Nội Vụ
Trại cải tạo An Điềm
Số : 107/GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

G I Ấ Y - R A - T R Ạ I

Theo thông tư số 966 BCA / Tr ngày 31 tháng 3 năm 1960 của Bộ Nội vụ .

Thi hành án văn quyết định tha số 881 ngày 20 tháng 4 năm 1984 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng .

Nay cấp giấy tha cho anh chị có tên sau đây :

Họ và tên khai sinh : HUỲNH VAN LÀNH
Sinh năm 1943 . Các tên gọi khác : không có
Nơi sinh : Hương Trà, Bình Trị Thiên .
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt :20 Lý Tự Trọng Đà Nẵng .
Can tội : Đại Úy SĨ quan an ninh Trung tâm tuyển mộ nhập ngũ .
Bị bắt ngày: 01 tháng 4 năm 1975 - Án phạt : tập trung cải tạo . Theo Theo quyết định án văn số 1260 ngày 15 tháng 9 năm 1978 của Bộ Trưởng Trưởng Nội Vụ .

Nay về cư trú tại : Hương Sơ, Hương Trà, Bình Trị Thiên .

Nhận xét quá trình cải tạo :

Qua học tập cải tạo ở trại chúng tôi xét thấy tư tưởng có yên tâm cải tạo, lao động đạt năng suất ,học tập có tiếp thu tốt, phê và tự phê thẳng thắn .

Nay cấp giấy trên phòng thiếu về sống cùng gia đình làm ăn .

Vậy đề nghị cấp địa phương tiếp tục quản lý và giúp đỡ .

Đương sự phải trình diện tại UBND phường xã Hương Sơ, Hương Trà , Bình Trị Thiên trước ngày 19 tháng 6 năm 1984.

Ngày 12 tháng 6 năm 1984
Phó giám thị
(ký tên và dấu)

NGUYỄN HỌC ÁNH

Làm tay ngón trỏ phải

Họ tên chữ ký người được cấp giấy
ký tên
HUỲNH VAN LÀNH

H 8 85
Hương Sơ

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Phường Mỹ lai
Huyện, Quận Xã Hương Sơ
Tỉnh, Thành phố Huế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

MẪU SỐ HT13/P3
QĐ số
NGÀY
SỐ 29
QUYỂN SỐ 2

TRỄ HẠN

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

	CHỒNG	VỢ
Họ và tên	HUỲNH VĂN LÀNH	NGUYỄN THỊ LAN
Bí danh	Không có	Không có
Sinh ngày tháng	12 - 12 - 1943	15 - 9 - 1946
năm hay tuổi		
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Làm vườn	Giáo viên
Nơi đăng ký Nhân khẩu thường trú	Làng Mỹ lai, Xã Hương Sơ, Thừa Thiên Huế	Phường Hải Châu 1 Thành phố Đà Nẵng
Số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu	191105174, cấp tại Huế ngày 11/4/1986	200185954 cấp tại Đà Nẵng ngày 25/8/1978

Đăng ký, ngày 8 tháng 7 năm 1983

Người chồng ký: Huỳnh văn Lành

Người vợ ký: Nguyễn thị Lan

T.M.U.B.N.D: Xã Hương Sơ

Nguyễn

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

SỞ TƯ-PHÁP TRUNG-PHẦN

Tòa Hòa-Giải HỘI-AN

ngày 30 tháng 4 năm 1958

CHỨNG CHỈ THAY GIẤY KHAI SINH NGUYỄN-THỊ-LAN

Số : 1379 - T.A

Năm một ngàn chín trăm **năm mươi tám**

ngày **ba mươi** tháng **tư** hồi **10 giờ**

Trước mặt chúng tôi là **HUỲNH-NHƯ-VÂN**

Thẩm-phán Tòa Hòa-Giải Việt-Nam.

ngồi tại Văn Phòng ở Tòa Hòa Giải **Hội-An**

có Lục-sự **Nguyễn-Trà** giúp việc

ĐÃ ĐẾN HẦU

NGUYỄN-ĐÌNH-HIỀN tuổi, nghề nghiệp **làm nông**

chánh quán làng **Tam-Điện, Điện-Bàn, Quảng-Nam**

trú quán làng **Tam-Điện, Điện-Bàn, Quảng-Nam**

thẻ Căn cước số **A.0101** ngày **30.9.1955**

do **Phái-Viên Hành-Chánh Phù-Kỳ** cấp.

Thỉnh cầu Tòa-Án cấp một chứng chỉ **khai-sinh cho em**

y sanh ngày **15.9.1946** tại **Tam-Điện, Điện-Bàn**,

Quảng-Nam theo như đơn đệ tại bản Tòa ngày **29.4.1958**

Đương sự có ba người nhân chứng sau đây để chứng thực lời khai của y

1) O.Phan-Thoan,44 tuổi, làm nông,tờ khai căn cước số A.000204,ngày 27.8.55 do kiểm tra lưu-động Danang cấp,chánh quán Điện-Đại,Phú-Vang,Thừa-Thiên,hiện trú tại số 57 Đường Cường-Để, Hội-An ,

2) O.Huỳnh-Thanh,33 tuổi, cựu binh-sĩ,thẻ tùy thân binh số 291.251 ngày 26.8.53 do Sở Tuyển-Binh ĐNQK cấp,chánh quán Kỳ-Lam,Điện-Bàn,Quảng-Nam,hiện cư trú tại Vĩnh-Điện,Điện-Bàn, Quảng-Nam ,

3) O.Nguyễn-tăng-Chương,23 tuổi,làm công,tờ khai căn-cước số A.0044 ngày 30.9.55 do Phái-Viên Hành-Chánh Phù-Kỳ cấp, chánh quán Ngũ-Thôn, Điện-Bàn,Quảng-Nam, hiện trú tại Phường Minh-Hương,Hội-An .

Những nhân chứng nầy đã tuyên thệ và quả quyết biết chắc tên.

NGUYỄN-THỊ-LAN,quốc-tịch Việt-Nam, sinh ngày MƯỜI LĂM THÁNG CHÍN NĂM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM BỐN MƯƠI SÁU (15.9.1946) tại Làng Tam-Điện, Điện-Bàn,Tỉnh Quảng-Nam, con gái Ông Nguyễn-quang-Thanh và bà Nguyễn-thị-Trí (đều còn sống) Vợ chánh thất .

Vì duyên cớ mất sổ hộ-tịch nơi sinh quán / không thể sao lục khai-sinh cho em được là vì nơi sinh quán của em bị phá hủy bởi những biến cố chiến tranh

Mấy người chứng đã xác nhận như trên đây nên tôi phát giấy CHỨNG-CHỈ KHAI-SINH NGUYỄN-THỊ-LAN ..... cấp cho tên Nguyễn-đình-Miên để làm bằng

chiếu theo các điều 47 . 48 H.V.H.L

Và các người chứng có ký tên với tôi và viên Lục-sự sau khi đọc lại.

LỤC - SỰ

Ký tên : NGUYỄN-TRÀ

THẨM - PHÁN

Ký tên : HUỲNH-NHƯ-VÂN

Những người làm chứng

1) Ký tên: Phan-Thoan

2) Ký tên: Huỳnh-Thanh

3) Ký tên: Nguyễn-tăng-Chương

Người đứng xin

ký tên : NGUYỄN-ĐÌNH-MIÊN

Miễn lộ-phí trước bạ và con niêm chiếu điều 15 Nghị-Định số 742/SG ngày 17/II/47.

THẨM-PHÁN,

ký tên : HUỲNH-NHƯ-VÂN

Trước bạ tại Hội-An(Faifoo)

Hội-An, ngày 2.4.1958

Quyển 21 tờ 79 số: 1638

Thâu : MIỄN-PHÍ .

Chủ-Sự,

Ký tên: Nguyễn-thành-Viêm

SAO Y BẢN CHÍNH

Tồn trữ tại Phòng Lục-sự Tòa Hòa-Giải

Hội-An, Quảng-Nam.

LỤC-SỰ ,

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã phường Hải Châu I
Huyện, Quận Nhất
Tỉnh, Thành phố Đà Nẵng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TP/HT
Số 339
Quyển 11/88

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên HUỲNH ANH DŨNG Nam hay Nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh 18-02-1971 (mười tám, tháng hai năm một ngàn chín trăm bảy mốt)
Nơi sinh Đà Nẵng
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Nguyễn Thị Lan	Huỳnh Văn Lãnh
Tuổi	1946	1943
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	giáo viên	nông
Nơi thường trú	18C/1 Lê Duẩn Đà Nẵng	Thôn Mỹ Lại, Xã Hương Sơ, T.P Huế

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Nguyễn Thị Lan, sinh 1946, thú 18C/1 Lê Duẩn ĐN
CMND số 200.185.954

Đăng ký ngày 05 tháng 11 năm 1988

Người đứng khai ký

Lan
Nguyễn Thị Lan

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
KT/CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ĐỖ HỮU ĐỊNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Hải Châu I
Huyện, Quận I
Tỉnh, Thành phố Đà Nẵng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP/HT
Số 345
Quyển 11/88

GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ và tên Huỳnh Anh Tuấn Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh 25 - 03 - 1972 (hai lăm, tháng ba, năm một ngàn chín trăm bảy hai)
Nơi sinh Đà Nẵng
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên	Nguyễn Thị Lan	Huỳnh Văn Lãnh
Tuổi	1946	1943
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Giáo viên	Nông
Nơi thường trú	18C/1 Lê Duẩn ĐN	Thôn Mỹ Lai, Xã Hương Sơ, TP Huế

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Nguyễn Thị Lan, Smh 1946, trú 18C/1 Lê Duẩn ĐN
CMND số 200185954

Đăng ký ngày 05 tháng 11 năm 1988

Người đứng khai ký
Nguyễn Thị Lan

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 05 tháng 11 năm 88
T/M U.B.N.D KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Hải Châu I
Huyện, Quận I
Tỉnh, Thành phố Đà Nẵng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP/HT
Số 344
Quyển 91/97

GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ và tên Huỳnh Anh Vinh Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh 15 - 11 - 1973 (mười lăm tháng mười một năm một ngàn chín trăm bảy ba)
Nơi sinh Đà Nẵng
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên	Nguyễn Thị Lan	Huỳnh Văn Lãnh
Tuổi	1946	1943
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	giáo viên	mộc
Nơi thường trú	18C/1 Lê Duẩn ĐN	Thôn Mỹ Lai, Xã Hương Sơ, TP Huế

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Nguyễn Thị Lan, Sinh 1946, thú 18C/1 Lê Duẩn ĐN
CMND số 200189954

Đăng ký ngày 25 tháng 11 năm 1997
Người đứng khai ký
Nguyễn Thị Lan
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 25 tháng 11 năm 97
T.M. U.B.N.D KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU
(T./CHỦ TỊCH)

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã phường Hải Châu I
Huyện, Quận ..Nhất.....
Tỉnh Thành phố Đà Nẵng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TP/HT
Số ....345...
Quyển ..II./88

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên ..HUỲNH..ANH..DUY..... Nam hay Nữ ..Nam..
Ngày, tháng, năm sinh 17-02-1975 (mười bảy, tháng hai,
.....năm một ngàn chín trăm bảy lăm).
Nơi sinh ...Đà Nẵng.....
.....
Dân tộc ....Kinh..... Quốc tịch ..Việt Nam.....

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Nguyễn Thị Lan	Huỳnh Văn Lãnh
Tuổi	1946	1943
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	giáo viên	Nông
Nơi thường trú	18C/1 Lê Duẩn Đà Nẵng	Thôn Mỹ Lại, Xã Hương S.B, T.P. Huế

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Nguyễn Thị Lan, Sinh 1946, trú 18C/1 Lê Duẩn ĐN.
.....CMND Số 200185954.....

Đăng ký ngày 25 tháng 11 năm 1988

Người đứng khai ký

Nguyễn Thị Lan

TM ỦY BAN NHÂN DÂN
KT/CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THƯ KÝ

ĐỖ HỮU ĐỊNH

- QUESTIONNAIRE FOR EX POLITICAL PRISONER

I. Basic information on applicant in Việt Nam :

1. Full name of ex political prisoner :
HUỲNH VAN LÀNH
2. Date and place of birth : Dec 12 - 1943 (12-12-1943)
Mỹ Lại , Hương Sơ , Thành Phố Huế , Bình Trị Thiên
3. Position : Security officer . Unit : 1 st Recruiting center Đà Nẵng
Apo : 4126 (Sĩ quan An ninh tại trung tâm 1 tuyển mộ nhập ngũ Đà Nẵng)
KBC : 4126
4. Rank : Captain (đại úy)
5. Military serial number : 63A/101.756
6. Month, date, year arrested : 1-4-1975
7. Month , date, year out of camp : 12-6-1984
8. Date and release certificate number : 107/GRT ngày 12-6-1984 của trại cải tạo An Điềm , Quảng Nam Đà Nẵng .
9. Present mailing address of ex political prisoner : Mỹ Lại, Hương Sơ, Thành phố Huế , Bình Trị Thiên .
10. Current adress : 100/1 Lê Duẩn , Đà Nẵng
11. List of full name, date and place of birth of ex political prisoner immediate family and father, mother .

A. Relative to accompany with ex political prisoner to be consisted consisted for US country :

Name	date of birth	place of birth	sex	relation ship
NGUYỄN THỊ LAN	15- 9-1946	Điện Bàn Quảng S. Việt Nam	Feminine	wife
HUỲNH ANH DŨNG	17-03-1971	Đà Nẵng	Male	son
HUỲNH ANH TUẤN	25-08-1972	Đà Nẵng	Male	son
HUỲNH ANH VINH	15-11-1973	Đà Nẵng	Male	son
HUỲNH ANH DUY	17-2-1975	Đà Nẵng	Male	son

B. Complete family listing (living, death) of political prisoner :

Name		Address
Father	Huỳnh Duật	(death)
Mother	Lê Thị Thèo	Mỹ Lại, Hương Sơ, TP Huế , Bình Trị Thiên (living)
Young Brother:	Huỳnh Ba	(death)
	Huỳnh Thị Luyến	Mỹ Lại, Hương Sơ, Huế , Bình Trị Thiên (living)
	Huỳnh Thị Quyên	La Khê, Hương Vinh, Huế, Bình Trị Thiên (living)
	Huỳnh Thị Thuần	Mỹ Lại, Hương Sơ, Huế, Bình Trị Thiên (living)

III. Relative outside of Việt Nam

Name	Relationship	Adress
Elder NGUYỄN QUANG PHONG	wife 's brother	[illegible] CANADA

IV. Have you submitted the application for family reunification until to now . the application .

ONTARIO M6M 3L6 CANADA

From PHONG NGUYEN

[redacted]

ONTARIO M6M 3L6

CANADA

61

1-324/260

THE TORONTO-DOMINION BANK

TORONTO 10, ONTARIO 1776

NO. 1776

APRIL , 06 1990

ON DEMAND
PAY TO THE
ORDER OF * * * MRS. KHUC MINH THO * * * * * * * * * U.S.$ 10.00 * * *

DOLLARS
UNITED STATES CURRENCY

NOT TO EXCEED U.S $1000.00
CHARGE ACCOUNT OF INTERNATIONAL CENTRE TORONTO

Robert Korthals
PRESIDENT

TO

THE TORONTO-DOMINION BANK
NEW YORK BRANCH
42 WALL STREET
NEW YORK, N.Y.

COUNTERSIGNED

AL AS

A 222C

Huynh Van Lanh

U.S.A.

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____
LOI#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

e purpose of this form is to identify persons who are or were formerly
cerned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S.
ission via the Orderly Departure Program can be established.

NT IN VIETNAM HUYNH (Last) VĂN (Middle) LÀNH (First)

Address: _____

Birth: _____ Place of Birth: _____

s Occupation (before 1975) _____
Position)

ENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From April 1st 1975 To June 12, 1984
Years: 9 Months: 2 Days: 11

'S NAME: _____
Name

_____
Address and Telephone Number

F RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship

are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria
e not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so.
ersons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on
n I-130 must do so.

DATE PREPARED: April 10, 1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUỲNH VĂN LÀNH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ LAN	Sept. 15, 1946	WIFE
HUỲNH ANH DŨNG	February 17, 1971	SON
HUỲNH ANH TUẤN	March 25, 1972	SON
HUỲNH ANH VINH	November 15, 1973	SON
HUỲNH ANH DUY	February 17, 1975	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ONTARIO M6M 3L6
CANADA

Special Delivery Exprès

APR 2 3 1990

To: FAMILY OF VIETNAMESE POLITICAL ASSOCIATION

P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA 22205-0635

U.S.A.

Huỳnh văn Lãnh

Special Delivery Exprès

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ OBP/Date _____ 5/4/90
____ Membership; Letter